



KẾ HOẠCH

Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Tỉnh Hà Giang năm 2019

Handwritten notes: - PCY, Yuh, 12-6-19, MKD, and a signature.

Căn cứ kết quả báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỉnh Hà Giang xếp thứ 52/63 (tăng 03 bậc so với năm 2017) với 61,19 điểm (tăng 2,03 điểm so với năm 2017), thấp hơn tỉnh đứng đầu (Quảng Ninh) là 9,5 điểm, thấp hơn tỉnh trung vị (Thái Bình) là 2,04 điểm và cao hơn tỉnh đứng cuối (Đắc Nông) là 3,03 điểm, giữ vị trí xếp hạng ở nhóm trung bình cùng với 19 tỉnh, trong đó có 04/10 chỉ số tăng điểm và 06/10 chỉ số giảm điểm so với năm 2017. So sánh với các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc, tỉnh Hà Giang xếp vị trí thứ 10/14, kém tỉnh dẫn đầu (Lào Cai) là 3,44 điểm (*chi tiết tại phụ biểu 01 kèm theo*)

Để tiếp tục duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch cải thiện chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hà Giang năm 2019, như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, quyết liệt cải cách hành chính nhằm xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, thuận lợi, tạo điều kiện và động lực thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp (DN), tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu chỉ số PCI năm 2019 tỉnh Hà Giang tăng 3 điểm so với năm 2018, giữ vị trí 48/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (tăng 4 bậc) và vị trí 7/14 tỉnh trong khu vực miền núi phía bắc.

- Duy trì và tiếp tục nâng cao 04 chỉ số thành phần tăng điểm trong năm 2018 gồm: Hỗ trợ doanh nghiệp, Tính năng động, Đào tạo lao động, Chi phí không chính thức.

- Cải thiện điểm số và thứ hạng 06 chỉ số thành phần bị giảm trong năm 2018 gồm: Gia nhập thị trường, Chi phí thời gian, Thiết chế pháp lý, Tính minh bạch, Tiếp cận đất đai, Cạnh tranh bình đẳng.

3. Yêu cầu

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng các chỉ số thành phần của chỉ số PCI.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương, báo cáo kết quả định kỳ và theo yêu cầu của UBND tỉnh.

- Tập trung đẩy mạnh khai thác, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành, giải quyết thủ tục hành chính với nhà đầu tư và doanh nghiệp để giảm thiểu tối đa các chi phí phát sinh về thời gian và tài chính cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính tại tỉnh.

II. THỰC TRẠNG VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Duy trì và tiếp tục nâng cao nhóm 04 chỉ số thành phần tăng điểm

1.1. Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%):

- Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của Tỉnh có sự cải thiện đáng kể so với năm 2017, chỉ số đạt 7,31 điểm (tăng 1,05 điểm) và xếp thứ hạng 04/63. Sự cải thiện này đến từ việc chất lượng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ hoạt động của DN (gồm: Tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, công nghệ, đào tạo về kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh) được nâng lên. Tỷ lệ DN có ý định tiếp tục sử dụng lại các dịch vụ đã tăng cao hơn so với năm 2017 từ 15 - 40% và đều đạt trên 80%. Nỗ lực trên cần được tiếp tục duy trì và phát huy trong những năm tiếp theo.

- Mục tiêu: Phân đấu năm 2019 tiếp tục duy trì tăng điểm chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đạt 7,6 điểm (tăng 0,29 điểm), xếp hạng thuộc top 5/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì theo dõi chỉ số, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp duy trì, cải thiện chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể các giải pháp thực thi Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nghị định, thông tư hướng dẫn luật nhằm phát triển doanh nghiệp và tạo điều kiện các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn pháp luật, công nghệ; khảo sát, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp.

(2) Sở Công thương: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, tham gia tổ chức các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tăng cường cung cấp thông tin thị trường, sản phẩm nhằm giúp doanh nghiệp trong tỉnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước.

(3) Trường cao đẳng kỹ thuật và công nghệ tỉnh Hà Giang: Nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện cung cấp các khóa đào tạo phù hợp về kế toán, tài chính, quản trị doanh nghiệp, khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.2. Chỉ số Đào tạo lao động (trọng số 20%) :

- So với năm 2017, chỉ số Đào tạo lao động của Tỉnh đạt 5,41 điểm (tăng thêm 0,32 điểm), từ thứ hạng thứ 62/63 lên 57/63. Kết quả trên đến từ chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm của Tỉnh đã tốt hơn, cụ thể: Có 59% DN đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm tại tỉnh và tỷ lệ DN có ý định tiếp tục

sử dụng dịch vụ là 88%; tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động của DN đã giảm từ 4,46% (năm 2017) xuống còn 3,74% (năm 2018), thấp hơn 0,93% so với tỉnh trung vị. Mặc dù có sự cải thiện liên tục, song mức độ cải thiện còn thấp, nguyên nhân chủ yếu là do: Tỷ lệ DN đánh giá giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (42%), Tỷ lệ DN đánh giá chất lượng dạy nghề của tỉnh mức độ “tốt” còn chưa cao (chỉ đạt 26%); Tỷ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (2%); Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (8%); Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (34%).

- Mục tiêu: Phân đầu năm 2019 chỉ số Đào tạo lao động đạt từ 6,0 điểm trở lên (tăng 0,59 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 50/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Chủ trì, theo dõi chỉ số Đào tạo lao động và phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng lao động tại tỉnh, công tác đào tạo nghề, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đào tạo lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng của DN, trong đó bám sát vào các ngành nghề lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh; Chủ động liên hệ với các cơ sở đào tạo nghề để thống kê số lao động đã qua đào tạo, ngành nghề, giới tính... để cung cấp cho các các doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu biết, tuyển dụng.

(2) Ban Tổ chức - Nội vụ: Tham mưu đề xuất công tác đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy, hệ thống dạy nghề trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung, tinh gọn, hiệu quả.

1.3. Chỉ số Chi phí không chính thức (CPKCT) (trọng điểm 10%):

So với năm 2017, chỉ số Chi phí không chính thức của tỉnh đạt 5,14 điểm (tăng 0,65 điểm) và xếp hạng thứ 55/63. Các nội dung liên quan đến Chi phí không chính thức (CPKCT) đã dần được kiểm soát, công khai và minh bạch hơn và có điểm số tốt hơn so với năm 2017, như: Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (giảm 03%, còn 12%); phần trăm DN đồng ý hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (giảm 03%, còn 61%); phần trăm DN đồng ý các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (tăng 09%, đạt 84%). Tuy nhiên, một số xu hướng tiêu cực về CPKCT vẫn còn tồn tại và cao hơn từ 3%-10% so với tỉnh trung vị năm 2018, đặc biệt theo đánh giá của cộng đồng DN có một số xu hướng nổi lên đáng quan ngại là: 39% DN lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến; 33% DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai; 41% DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra. Và khi đã chi trả CPKCT, tỷ lệ DN cho rằng công việc đạt được kết quả mong đợi chỉ đạt mức 58%, giảm 19% so với năm 2017.

- Mục tiêu: Phân đầu chỉ số CPKCT năm 2019 đạt 5,8 điểm trở lên (tăng 0,66 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 50/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra tỉnh: Chủ trì theo dõi chỉ số chi phí không chính thức và tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả

hoạt động phòng, chống tham nhũng tại các cấp, các ngành trong quản lý kinh tế xã hội, đất đai, chi tiêu ngân sách, xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của nhà nước.

(2) Các sở, ngành, địa phương:

+ Thường xuyên kiểm tra, kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng vị trí làm việc gây khó khăn cho doanh nghiệp; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho DN.

+ Tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp cắt giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp đặc biệt trong thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, thủ tục đất đai, lựa chọn nhà thầu; kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 15/1/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát động phong trào nói không với “Tham nhũng vặt” theo Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 24/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(3) Tòa án nhân dân tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, phân đấu giải quyết cơ bản các vụ án có liên quan đến DN đảm bảo kịp thời, nghiêm minh, khách quan, công bằng, đúng pháp luật.

1.4. Chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh (trọng số 5%):

So với năm 2017, chỉ số trên tiếp tục có sự cải thiện nhẹ ở hầu hết các chỉ số thành phần, đạt 5,36 điểm (tăng 0,04 điểm). Có 06/09 chỉ số thành phần tăng điểm phần trăm, cụ thể: Có 75% DN đồng ý rằng UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN tư nhân (+5%); 59% DN đồng ý UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (+4%); 69% DN đánh giá vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại (+5%); có đến 84% DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN của tỉnh (+26%). Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy điểm hạn chế của tỉnh là khâu tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách còn khá hạn chế. Có đến 77% DN cho rằng có sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành và 61% DN cho rằng lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện. Mặt khác, do chính quyền các tỉnh đều nỗ lực cải thiện tính năng động của mình nên thứ hạng của tỉnh đã giảm 10 bậc so với năm trước và ở mức 47/63.

- Mục tiêu: Phân đấu năm 2019 nâng cao chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh đạt từ 5,6 điểm trở lên (tăng 0,24 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 40/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh chủ trì theo dõi chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương.

(2) Các Sở, ngành, địa phương:

+ Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh; sự phối hợp tốt giữa các cấp, ngành trong thực hiện nhiệm vụ được giao

+ Thực hiện nghiêm và có hiệu quả Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Giang năm 2019.

+ Chủ động gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với DN thông qua nhiều kênh giao tiếp nhằm lắng nghe ý kiến phản ánh, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho DN.

(3) Ban Tổ chức - Nội vụ: Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác cải cách hành chính, việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Khắc phục và cải thiện nhóm 06 chỉ số thành phần có điểm số giảm

2.1. Chỉ số Tính minh bạch (trọng số 20%):

So với năm 2017, các DN tham gia khảo sát đánh giá nỗ lực của Tỉnh nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thông tin cho DN hầu như không có sự cải thiện do đó chỉ số Tính minh bạch đạt 5,93 điểm (giảm 0,25 điểm), xếp hạng 47/63 tỉnh, thành phố. Cụ thể: Khả năng tiếp cận tài liệu về quy hoạch, pháp lý của các DN vẫn chỉ dừng ở mức Có thể nhưng khó và mức Có thể tiếp cận; số lượng DN đánh giá thông tin mời thầu được công khai đã giảm đáng kể từ 44% (năm 2017) xuống còn 27% (năm 2018); số lượng DN đánh giá các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN cho hoạt động kinh doanh giảm từ 89% (năm 2017) xuống còn 76%. Có 82% DN tham gia điều tra cho rằng cần có mối quan hệ để có được các tài liệu của tỉnh (tăng 05% so với năm 2017), 59% DN cho rằng thỏa thuận về khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng (tăng 02% so với năm 2017).

Một số điểm tích cực năm 2018: Tỷ lệ DN tham gia điều tra đánh giá Hiệp hội DN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh đã tăng lên 53% (tăng 3% so với năm 2017); tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp đã tăng lên 84% (tăng 05% so với năm 2017). Số lượng DN truy cập vào website của UBND tỉnh tăng lên 72% tuy nhiên DN đánh giá mức độ tiện dụng của website vẫn còn ở mức thấp với 28/100 điểm.

- Mục tiêu: Phân đầu năm 2019 chỉ số Tính minh bạch đạt từ 6,5 điểm trở lên (tăng 0,57 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 40/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh chủ trì theo dõi chỉ số Tính minh bạch và phối hợp cơ quan liên quan lập danh mục các tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý cần công khai và phương thức công khai, minh bạch hóa trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trong tháng 6/2019; Tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cơ chế giải quyết vướng mắc của Doanh nghiệp một cách hiệu quả và công khai kết quả giải quyết vướng mắc từ các doanh nghiệp.

(2) Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh: Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, sự tiện dụng và đa dạng thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; Chỉ đạo Trung tâm Hành chính công tỉnh công khai, minh bạch các thủ tục hành chính; thường xuyên giám sát các Sở, Ban, Ngành của tỉnh khi có đề nghị cung cấp thông tin của Doanh nghiệp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

(3) Cục thuế tỉnh, Cục hải quan tỉnh: Chủ trì, tiếp tục quán triệt tinh thần “phục vụ DN” đến từng bộ phận, cán bộ; thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những cán bộ gây khó khăn, có biểu hiện tiêu cực; thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo quy định, nhất là những vị trí thường xuyên tiếp xúc với DN, để phát sinh tiêu cực.

(4) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Nâng cao vai trò của Hiệp hội trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan doanh nghiệp. Định kỳ hàng tháng, quý phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức chương trình cà phê doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp để lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, Ngành, địa phương của tỉnh trao đổi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN.

(5) Các sở, ngành, địa phương: Quyết liệt đổi mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính, công khai, minh bạch các tài liệu pháp lý, thông tin quy hoạch, các dự án ... có liên quan đến kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử; khuyến khích thực hiện lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2.2. Chỉ số Gia nhập thị trường (trọng số 5%):

Chỉ số Gia nhập thị trường của Tỉnh đạt 7,58 điểm (giảm 0,33 điểm) so với năm 2017, xếp hạng thứ 21/63. Điểm tích cực của Tỉnh chủ yếu là về công tác đăng ký, thành lập DN với thời gian đăng ký DN đã giảm 01 ngày so với 2017; không còn tình trạng DN phải chờ hơn 03 tháng để hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (trong khi đó, tỷ lệ này ở tỉnh cao nhất là 27%); tỷ lệ DN làm thủ tục đăng ký DN qua phương thức mới (trực tuyến, trung tâm hành chính công, bưu điện) đạt mức 65%, tăng 48% so với năm trước. Tuy nhiên, điểm hạn chế của Tỉnh đó là các yếu tố liên quan đến thủ tục (thay đổi) ĐKKD gồm: Niêm yết thủ tục và trình độ, thái độ của cán bộ hướng dẫn. Các DN tham gia điều tra cho rằng chất lượng của Tỉnh đã giảm từ 5% đến 40% so với năm 2017 và hầu hết điểm số của các chỉ số thành phần đều thấp hơn điểm số của tỉnh trung vị từ 5% đến 27%. Cụ thể: Có 69% DN đánh giá thủ tục được niêm yết công khai; có 38% DN đánh giá cán bộ am hiểu chuyên môn; có 28% DN đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin tốt.

- Mục tiêu: Phần đầu năm 2019 chỉ số Gia nhập thị trường đạt từ 7,8 điểm trở lên (tăng 0,22 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 15/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi chỉ số Gia nhập thị trường, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp rút ngắn thời gian hoàn thành các thủ tục để doanh nghiệp chính thức hoạt động (chủ yếu các thủ tục sau cấp giấy chứng nhận ĐKDN); nghiêm túc xử lý, điều chuyển công

tác đối với cán bộ vi phạm, những nhiễu, thiếu nhiệt tình, bị người dân và DN phản ánh; tăng cường thực hiện công tác hậu kiểm sau ĐKDN.

+ Các sở, ban, ngành và Trung tâm hành chính công tỉnh: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4 và tuyên truyền cộng đồng DN thực hiện thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, bưu điện, TTHCC).

2.3. Chỉ số Chi phí thời gian (trọng số 5%):

Chỉ số Chi phí thời gian đạt mức 7 điểm (giảm 0,27 điểm), giảm hạng từ 13/63 xuống 29/63. Các chỉ số thành phần hạn chế so với năm 2017, cụ thể: Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ NN giải quyết công việc hiệu quả còn 73% (-7%); tỷ lệ DN đánh giá cán bộ NN thân thiện còn 64% (-9%); Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế đã tăng 2 giờ, từ 6h/cuộc lên 8h/cuộc. Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước đã tăng lên 43% (+14%).

- Mục tiêu: Phân đầu năm 2019 chỉ số Chi phí thời gian đạt từ 7,5 điểm trở lên (tăng 0,5 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 20/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh:

- Chủ trì, theo dõi thực hiện chỉ số chi phí thời gian; phối hợp với các Sở, Ngành, địa phương tham mưu UBND Tỉnh thực hiện đánh giá cán bộ nhà nước tại các sở, ngành, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính, chú trọng các tiêu chí cán bộ thân thiện, trách nhiệm, giải quyết công việc hiệu quả.

- Chỉ đạo Trung tâm Hành chính công tỉnh thực hiện giải pháp linh hoạt hướng dẫn doanh nghiệp tìm hiểu thủ tục hành chính theo quy định pháp luật; tăng cường công tác truyền thông vai trò hướng dẫn, thực hiện các thủ tục hành chính của Trung tâm hành chính công các cấp; phối hợp các sở, ngành, địa phương rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính so với quy định.

(3) Cục thuế tỉnh: Nâng cao hiệu quả, hiện đại hóa hệ thống thông tin về người nộp thuế để rút ngắn thời gian thanh tra, kiểm tra thuế đối với DN.

(4) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Đề xuất giải pháp tham mưu UBND Tỉnh thực hiện xây dựng và công bố chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (chỉ số DDCI)

(5) Các sở, ngành, địa phương: chủ động nghiên cứu, đổi mới phương pháp, hình thức hướng dẫn DN, người dân thực hiện các quy định pháp luật theo hướng dễ hiểu, trực quan (sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh), dễ áp dụng, thiết thực; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng, chính xác; trường hợp phải yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung một lần.

2.4. Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (trọng điểm 5%):

Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự trong năm 2018 đạt 6,37 điểm (giảm 0,64 điểm so với năm 2017), giảm mạnh thứ hạng từ 04/63 xuống còn 23/63. Cụ thể: Tỷ lệ DN đồng ý Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng ở mức rất thấp là 29% (-9%), thấp hơn tỉnh trung vị là 3%;

tỷ lệ DN đồng ý Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN cũng đạt mức thấp với 30% (-12%), thấp hơn tỉnh trung vị 5%; tỷ lệ DN phải trả tiền "bảo kê" cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn đã tăng 2%, đạt mức 3%; và tỷ lệ DN đánh giá tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là tốt cũng đã giảm 5% so với 2017, đạt mức 68%.

Bên cạnh đó, các DN đánh giá chất lượng hoạt động của Tòa án các cấp tại tỉnh đã có phần giảm sút hơn so với năm 2017. Cụ thể: Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng đạt mức 79% (-7%); tỷ lệ DN đánh giá Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật đạt 84% (-7%); Tỷ lệ DN đánh giá Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng đạt 65% (-6%); có 69% DN cho rằng phán quyết của Tòa án được thi hành nhanh chóng (-4%).

- Mục tiêu: Phần đầu năm 2019 chỉ số "Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự" đạt từ 7 điểm trở lên (tăng 0,63 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 15/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Công an tỉnh chủ trì theo dõi chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; chủ động mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời không để hình thành các băng, nhóm tội phạm "bảo kê" trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình phối hợp giữa lực lượng Công an với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong công tác xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

(2) Tòa án nhân dân tỉnh đổi mới công tác xét xử đảm bảo đúng pháp luật, nhanh chóng, không ngừng nâng cao uy tín, tin tưởng đối với nhân dân và DN.

(3) Các ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, doanh nghiệp.

2.5. Chỉ số Tiếp cận đất đai (trọng số 5%):

Chỉ số Tiếp cận đất đai trong năm 2018 đạt 5,87 điểm (giảm 0,21 điểm), giảm từ thứ hạng 43/63 xuống 57/63. Các hạn chế trong tiếp cận đất đai của Tỉnh theo đánh giá của DN vẫn tiếp tục duy trì và cao hơn khá nhiều so với mức điểm của tỉnh trung vị. Cụ thể: Tỷ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đạt 33% (-37%); Số ngày chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận QSD đất đã tăng lên 25 ngày (+16,5 ngày); Rủi ro bị thu hồi đất vẫn ở mức cao và trong trường hợp bị thu hồi đất chỉ có 26% DN tin tưởng sẽ được bồi thường thỏa đáng (-10%); có đến 41% DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (ở mức cao nhất so với tỉnh khác); có 30% DN cho biết giải phóng mặt bằng chậm (mức trung vị là 17% và mức thấp nhất là 2%); có 41% DN cho biết việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi và nhanh chóng (mức trung vị là 31% và mức thấp nhất là 19%).

Tuy nhiên, các nỗ lực của cơ quan QLNN liên quan đến đất đai cũng đã được DN ghi nhận khi có đến 78% DN cho rằng sự thay đổi giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi của giá trị thị trường (+5%) và chỉ có 11% DN cho rằng khi

có nhu cầu được cấp GCNQSD đất nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà hoặc lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (-11%).

- Mục tiêu: Phân đầu năm 2019 chỉ số Tiếp cận đất đai đạt từ 6,33 điểm trở lên (tăng 0,46 điểm so với năm 2018).

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo dõi chỉ số Tiếp cận đất đai, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường cải cách thủ tục hành chính về đất đai, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với quy định; minh bạch hóa thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; tham mưu xử lý, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực đất đai kéo dài, gây bức xúc ảnh hưởng đến người dân, doanh nghiệp; tham mưu UBND Tỉnh thành lập trung tâm phát triển quỹ đất địa phương; phối hợp UBND các huyện, thành phố rà soát quỹ đất công tạo mặt bằng sạch thu hút đầu tư, thực hiện giải pháp linh hoạt tháo gỡ nút thắt trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các huyện, thành phố.

(2) Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh: Công bố công khai thông tin quy hoạch, tình hình thuê đất tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để các DN, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin, thuận lợi trong việc đề xuất bố trí, mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh.

2.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng (trọng số 5%):

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh đạt 5,3 điểm (giảm 0,28 điểm so với năm 2017), xếp hạng giảm từ 19/63 xuống 46/63. Nguyên nhân chính đến từ việc kinh doanh bằng môi quan hệ đang tiếp tục chèn lấn các hoạt động kinh doanh của đông đảo DN khi có đến 68% DN cho biết các nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào tay các DN thân quen với chính quyền tỉnh (+4%); 68% DN cho biết các ưu đãi với công ty lớn (nhà nước và tư nhân) đang tiếp tục gây trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN tư nhân (+24%).

Một số điểm tích cực như sự ưu đãi của Tỉnh đối với đối với DNNN đã giảm so với 2017, cụ thể: Có 26% DN cho rằng DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (-6%); có 25% DN cho rằng DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (-5%); có 21% DN cho rằng DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (-9%).

- Mục tiêu: Phân đầu năm 2019 chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đạt từ 5,8 điểm trở lên (tăng 0,5 điểm so với năm 2018), xếp hạng top 35/63 tỉnh, thành phố.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi chỉ số Cạnh tranh bình đẳng; phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu, đề xuất các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi các nguồn lực về đất đai, nguồn vốn tín dụng, công nghệ, thông tin mời thầu, ưu đãi đầu tư...tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

(2) Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND tỉnh: Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động đường dây nóng phản ánh kiến nghị của cộng đồng DN trực tiếp với đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời khuyến khích các DN sử dụng kênh đối thoại này để góp ý, khuyến nghị mang tính xây dựng nhằm lành mạnh hóa môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh.

(3) Sở Công thương chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền phổ biến sâu rộng, thiết thực, hiệu quả Luật cạnh tranh đến cộng đồng DN, thúc đẩy DN dùng Luật cạnh tranh để tự bảo vệ mình, mạnh dạn phản ánh tình trạng cạnh tranh bất bình đẳng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu các sở, ngành, địa phương có liên quan căn cứ chức năng, quyền hạn được phân công, bám sát các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này khẩn trương xây dựng chương trình hành động cụ thể, phù hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/6/2019 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trong chương trình hành động của từng cơ quan, đơn vị cần phân công trách nhiệm, vai trò người đứng đầu và giữa các phòng/đơn vị trực thuộc để có cơ sở kiểm tra, đôn đốc kết quả thực hiện của các đơn vị (kèm phụ lục 02 phân công nhiệm vụ các sở, ngành thực hiện theo dõi các chỉ tiêu thành phần PCI).

2. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện để có giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp, linh hoạt và đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh các giải pháp điều hành hiệu quả.

3. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ, các Hội ngành nghề trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại với các cấp chính quyền, tạo cơ chế thông tin hiệu quả, góp phần xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tỉnh Hà Giang thân thiện và đồng hành cùng DN.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hà Giang tích cực tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này trong các cấp, các ngành, cộng đồng DN và người dân.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đầu mối tổng hợp báo cáo chung, báo cáo định kỳ; chủ động, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện Kế hoạch này hiệu quả, thiết thực.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hà Giang năm 2019, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng TMCN Việt nam (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- Th.trực các huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP Đoàn ĐBQH
HĐND - UBND tỉnh;
- Hệ thống Vnpti Office;
- Lưu: VT, CVNCTH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ CHỈ SỐ PCI TỈNH HÀ GIANG NĂM 2018
 (Kèm theo Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 06/6/2018 của UBND tỉnh)

1. Tổng hợp kết quả PCI

STT	Năm	Điểm tổng hợp	Kết quả xếp hạng	Nhóm điều hành
1	2017	59,16	55	4
2	2018	61,19	52	4

* Phân nhóm theo độ lệch chuẩn của điểm số PCI so với giá trị trung bình trong giai đoạn đánh giá (1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Khá; 4: Trung bình; 5: Tương đối thấp; 6: Thấp).

2. Kết quả các chỉ số thành phần PCI

Chỉ số	Điểm năm 2017	Xếp thứ hạng 2017	Điểm năm 2018	Xếp thứ hạng 2018	So sánh điểm 2018/2017	Tăng/giảm bậc Năm 2018/2017	
						Tăng	Giảm
Gia nhập thị trường	7,91	27/63	7,58	21/63	-0,33	6	
Chi phí thời gian	7,27	13/63	7	29/63	-0,27		16
Thiết chế pháp lý	7,01	4/63	6,37	23/63	-0,64		19
Tiếp cận đất đai	6,08	43/63	5,87	57/63	-0,21		14
Cạnh tranh bình đẳng	5,58	19/63	5,3	46/63	-0,28		27
Tính năng động	5,32	37/63	5,36	47/63	0,04		10
Chi phí không chính thức	4,49	51/63	5,14	55/63	0,65		4
Tính minh bạch	6,18	42/63	5,93	47/63	-0,25		5
Hỗ trợ doanh nghiệp	6,26	45/63	7,31	4/63	1,05	41	
Đào tạo lao động	5,09	62/63	5,41	57/63	0,32	5	

3. Kết quả chỉ số PCI 2018 so với mục tiêu tại Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 29/6/2018 của UBND Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19 -2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018.

STT	Chỉ số	Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Xếp hạng 2018
1	Hỗ trợ doanh nghiệp	45/63	41/63	4/63

2	Gia nhập thị trường	27/63	23/63	21/63
3	Thiết chế pháp lý	4/63	4/63	23/63
4	Chi phí thời gian	13/63	9/63	29/63
5	Cạnh tranh bình đẳng	19/63	15/63	46/63
6	Tính năng động	37/63	33/63	47/63
7	Tính minh bạch	42/63	38/63	47/63
8	Chi phí không chính thức	51/63	47/63	55/63
9	Tiếp cận đất đai	43/63	39/63	57/63
10	Đào tạo lao động	62/63	58/63	57/63

4. Kết quả chỉ số PCI so với 14 tỉnh miền núi phía Bắc

So sánh với 14 tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc, Hà Giang xếp vị trí thứ 10/14, kém tỉnh dẫn đầu (Lào Cai) là 3,44 điểm. So với năm 2017, thứ tự xếp hạng của 14 tỉnh trong cùng khu vực không có sự thay đổi.

STT	Tỉnh	PCI	Xếp hạng	Nhóm
1	Lào Cai	64,63	12	Khá
2	Thái Nguyên	64,24	18	Khá
3	Phú Thọ	63,95	24	Khá
5	Tuyên Quang	63,01	34	Khá
4	Bắc Giang	63,01	36	Khá
6	Yên Bái	62,22	42	Trung bình
7	Điện Biên	61,77	47	Trung bình
8	Hòa Bình	61,73	48	Trung bình
9	Lạng Sơn	61,7	50	Trung bình
10	Hà Giang	61,19	52	Trung bình
11	Sơn La	60,79	56	Trung bình
12	Cao Bằng	60,67	57	Trung bình
13	Bắc Kạn	60,11	60	Trung bình
14	Lai Châu	58,33	62	Tương đối thấp

PHỤ BIỂU 02
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, NGÀNH THỰC HIỆN, THEO DÕI,
CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN PCI
(Kèm theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 16/6/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ số	Năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Điểm tăng	Cơ quan theo dõi, thực hiện
1	Gia nhập thị trường	7,58	7,8	0,22	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cạnh tranh bình đẳng	5,3	5,8	0,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Tính minh bạch	5,93	6,5	0,57	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Chi phí thời gian	7	7,5	0,5	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND Tỉnh
5	Tính năng động	5,36	5,6	0,24	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND & UBND Tỉnh
6	Thiết chế pháp lý	6,37	7	0,63	Công an tỉnh
7	Tiếp cận đất đai	5,87	6,33	0,46	Sở Tài nguyên & Môi trường
8	Chi phí không chính thức	5,14	5,8	0,66	Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra tỉnh
9	Hỗ trợ doanh nghiệp	7,31	7,6	0,29	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Đào tạo lao động	5,41	6	0,59	Sở Lao động, TB & XH

